

Phụ lục

Thông tin giám sát hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Tiểu dự án 1 Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

STT	Tên dự án	Quy mô hoạt động	Cấp làm chủ đầu tư	Tổng vốn (triệu đồng)	Trong đó				Thời gian thực hiện	Hợp tác với DN (nếu rõ)	Tổng số hộ tham gia	Trong đó					Đơn vị đề xuất dự án	% kinh phí NCN L/ tổng vốn của Dự án	Kết thúc chu kỳ sản xuất/ kết thúc dự án				% thực hiện/ KH phê duyệt	Số người được tập huấn	Trong đó					Sau khi kết thúc tập huấn				
					Nguồn ngân sách		Đóng góp của người hưởng lợi					Số hộ nghèo	Số hộ cận nghèo	Số hộ mới thoát nghèo	Số hộ DTTS	Số hộ có thành viên là người có công			Số phụ nữ được hỗ trợ	Năng suất tăng (nếu rõ)	Sản lượng tăng (nếu rõ)	Nâng cao chất lượng (nếu rõ)			Tăng thu nhập (nếu rõ mức tăng)	Số cán bộ làm công tác giảm nghèo thuộc xã, huyện, tỉnh	Số người thuộc hộ cận nghèo	Số người thuộc hộ cận nghèo	Số người thuộc hộ mới thoát nghèo	Số người DTTS	Thời lượng tập huấn (số ngày, tuần)	% số cán bộ sử dụng trong quản lý, điều hành công việc	% người dân áp dụng sau tập huấn	
					NSTW	NSDP	Bằng tiền	Bằng ngày công lao động hoặc hiện vật quy đổi ra tiền																										
A	B	C	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	28	
1	Dự án hỗ trợ																																	
1	Nuôi heo cõ (Kiêng sắt) sinh sản xã Ba Tô	40 con	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện	671,1	491	75,239	105	18 tháng		10	10			10		4	Nhóm cộng đồng dân cư nuôi heo cõ SS xã Ba Tô	0,65							12						2	1		100
2	Nuôi trâu cái nội sinh sản xã Ba Vinh	07 con	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện	419,4	267	44,750	108	18 tháng		7	7			7		0	Nhóm cộng đồng dân cư nuôi trâu cái nội sinh sản xã Ba Vinh	0,94							8						1	1		100

3	Nuôi heo Móng cái sinh sản thị trấn Ba Tơ	36 con	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện	595,367	440	65,621	90	18 tháng		12	3	9		12	1	Nhóm cộng đồng dân cư nuôi heo Móng cái SS TT Ba Tơ	0,82												13		3	9		1	1			100
4	Nuôi heo Móng cái sinh sản xã Ba Lẽ	34 con	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện	618,2	424	63,669	131	18 tháng		17	14	3		17	3	Nhóm cộng đồng dân cư nuôi heo Móng cái SS xã Ba Lẽ	0,93												18		14	3		1	1			100
5	Nuôi heo Móng cái sinh sản xã Ba Xa	38 con	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện	563,9	415	62,983	86	18 Tháng						19	19	Nhóm cộng đồng dân cư nuôi heo Móng cái SS xã Ba Xa	1,08												20		19			1	1			100
6	Nuôi Vịt xiêm xã Ba Cung	2000 con	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện	477,9	245	37,605	195	6 tháng						20	17	Nhóm cộng đồng dân cư nuôi Vịt xiêm xã Ba Cung	1,31												21		17	3		1	1			100

7	Nuôi bò sinh sản xã Ba Động	12 con	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện	732,3	312	49	371,7	18 tháng		12	1	11		12	8	Nhóm cộng đồng dân cư nuôi bò SS xã Ba Động	0,69						13	1	11	1	1		100
8	Nuôi heo nội sinh sản xã Ba Trang	45 con	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện	591,205	392	58,73	140,5	18 tháng		15	12	2	1	15	6	Nhóm cộng đồng dân cư nuôi heo nội sinh sản xã Ba Trang	1,2						16	12	2	1	1	1	100
9	Nuôi heo nội sinh sản xã Ba Tô	30 con	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện	416,4	362	54400	85,94			10	4	5	1			Nhóm cộng đồng dân cư nuôi heo nội sinh sản xã Ba Tô	1,073						11	4	5	1	1	1	100